

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Bình Thuận, ngày 23 tháng 5 năm 2022

Số: 484/QĐ-CĐCĐ

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Đề cương đề thi - Kỳ thi tuyển sinh năng khiếu  
Ngành Giáo dục Mầm non – Trình độ cao đẳng, hệ chính quy – Năm 2022**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Quyết định số 5598/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và Thông tư 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01/6/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH quy định về Điều lệ trường cao đẳng ban hành ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo & NCKH, Giám đốc Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục và Trưởng Khoa Sư phạm.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Đề cương đề thi – Kỳ thi tuyển sinh năng khiếu, ngành Giáo dục Mầm non – Trình độ cao đẳng, hệ chính quy – Năm 2022.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, các thành viên Hội đồng Tuyển sinh Trường, các trưởng đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh dự Kỳ thi tuyển sinh năng khiếu, ngành Giáo dục Mầm non – Trình độ cao đẳng, hệ chính quy – Năm 2022 của Trường, căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở GD&ĐT tỉnh Bình Thuận;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD.

**CHỦ TỊCH**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**Trương Văn Chính**

**PHỤ LỤC 1**  
**Cấu trúc và dạng thức đề thi tuyển sinh năng khiếu**  
**Ngành Giáo dục Mầm non - Trình độ cao đẳng, hệ chính quy – Năm 2022**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../...-... ngày .../.../...)*

**1. Nội dung thi**

**1.1. Hát tự chọn**

- Thí sinh tự chọn và hát một bài hát lời Việt, theo các chủ đề: Quê hương, người mẹ, tuổi trẻ, mùa xuân, trường học (những bài hát tự chọn phải nằm trong danh mục bài hát được phép phổ biến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Thí sinh không được sử dụng micro và nhạc đệm.

- Thời gian thi: chuẩn bị 02 phút, trình bày 03 phút.

**1.2. Kể chuyện**

- Thí sinh tự chọn trích đoạn một câu chuyện có tính giáo dục và phù hợp với tuổi thơ, để kể.

- Thời gian thi: chuẩn bị 02 phút, trình bày 03 phút.

**1.3. Đọc diễn cảm**

- Thí sinh bốc thăm ngẫu nhiên một bài thơ phù hợp với lứa tuổi mầm non, để đọc diễn cảm.

- Thời gian thi: chuẩn bị 02 phút, trình bày 03 phút.

**2. Hình thức thi:** Thực hành.

---

## PHỤ LỤC 2

### Tiêu chí đánh giá thi tuyển sinh năng khiếu

**Ngành Giáo dục Mầm non - Trình độ cao đẳng, hệ chính quy – Năm 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../...-... ngày .../.../...)*

#### I. Điểm đánh giá

1. Điểm mỗi nội dung thi theo thang điểm 10.
2. Điểm môn năng khiếu là điểm trung bình cộng của 03 nội dung thi (hát tự chọn, kể chuyện, đọc diễn cảm), được làm tròn đến một chữ số thập phân.
3. Thí sinh bị điểm không (0) môn năng khiếu, nếu bỏ ít nhất một trong 03 nội dung thi.

#### II. Tiêu chí đánh giá từng nội dung

##### 1. Các tiêu chí đánh giá và thang điểm đánh giá nội dung Hát tự chọn

Tiêu chí	Điểm
<b>1.1. Hát đúng giai điệu</b>	<b>6.0</b>
a) Hát tròn vành rõ chữ, đúng cao độ	3đ
b) Hát đúng tiết tấu của bài hát, không chênch, phô. Tốc độ hợp lí.	3đ
<b>1.2. Nhạc cảm, phong cách</b>	<b>2.0</b>
a) Biết xử lí sắc thái	1 đ
b) Phong cách thể hiện phù hợp hình tượng bài hát	1đ
<b>1.3. Chất giọng</b>	<b>2.0</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.0</b>

##### 2. Các tiêu chí đánh giá và thang điểm đánh giá nội dung Kể chuyện

Tiêu chí	Điểm
<b>2.1. Kể đúng</b>	<b>(3.5)</b>
a) Biết kể một câu chuyện ngắn có kết cấu hợp lý	1.5
b) Nội dung câu chuyện phải phù hợp với tuổi thơ và có tính giáo dục	1.5
c) Thời gian kể không quá 03 phút	0.5
<b>2.2. Kể diễn cảm</b>	<b>(5.5)</b>
a) Giọng kể phù hợp với nội dung câu chuyện và phân biệt được lời thoại của các nhân vật	1.0
b) Sử dụng ngữ điệu (cao độ, cường độ, nhịp điệu, âm sắc,...) phù hợp	3.0
c) Thể hiện khả năng biểu cảm (khả năng giao tiếp, cuốn hút người nghe, truyền đạt được tình cảm và nội dung tư tưởng của câu chuyện)	1.5
<b>2.3. Phong cách</b>	<b>(1.0)</b>
Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ khi kể chuyện như: Nét mặt, ánh mắt, điệu bộ, cử chỉ, ... phù hợp.	1.0
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.0</b>

### 3. Các tiêu chí đánh giá và thang điểm đánh giá nội dung Đọc diễn cảm

Tiêu chí	Điểm
<b>3.1. Đọc đúng</b>	<b>(4.0)</b>
a) Đúng văn bản: Không sai và không thêm, bớt từ	2.0
b) Đúng các quan hệ về ngữ pháp, ngữ nghĩa trên các cấp độ ngữ, câu	1.0
c) Đúng đặc trưng thể loại của văn bản	1.0
<b>3.2. Đọc diễn cảm</b>	<b>(5.0)</b>
a) Sử dụng ngữ điệu (cao độ, cường độ, nhịp điệu, âm sắc,...) phù hợp	3.0
b) Thể hiện khả năng biểu cảm (khả năng giao tiếp, cuốn hút người nghe, truyền đạt được tình cảm thẩm mỹ và nội dung tư tưởng của văn bản)	2.0
<b>3.3. Phong cách</b>	<b>(1.0)</b>
Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ khi đọc (nét mặt, ánh mắt, điệu bộ, cử chỉ; ...) phù hợp với nội dung văn bản	1.0
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.0</b>

---